

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HS-ST
Ngày: 09/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan;
- Ông Trịnh Duy Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2024/TLST-HS ngày 05/7/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HS ngày 12/7/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị N, sinh ngày 02/02/1991; nơi đăng ký thường trú: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nơi tạm trú và nơi ở hiện tại: Tổ C, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: nội trợ; văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H (đều đã chết); bị cáo chung sống như vợ chồng không có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Kế T, có 02 con; tiền sự: Không, tiền án: Có 01 tiền án về hành vi “Đánh bạc”; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 03/5/2024 cho đến nay; bị cáo tại ngoại; có mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Thị Kim L, sinh năm 1994; nơi đăng ký thường trú: Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt;

2. Trần Mộng V, sinh năm 1991; nơi thường trú: Tổ E, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt;

3. Nguyễn Thị D, sinh năm 1992; nơi đăng ký thường trú: Thôn A, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: Tổ E, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt;

** Người làm chứng: Lê Văn P ; vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 08 tháng 4 năm 2024, Trần Thị Kim L, Trần Mộng V, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị N (đang có tiền án về tội “Đánh bạc”) đến quán café R để uống nước. N nhìn thấy 01 bộ bài tú lơ khơ trên ghế nên nảy sinh ý định chơi bài tiến lên được thua bằng tiền, N rủ cả nhóm cùng chơi, đến 15 giờ 25 phút cùng ngày thì bị Công an phường T phát hiện bắt quả tang. Xác định số tiền mang theo đánh bạc của Nguyễn Thị N 160.000 đồng, thua 120.000đ; của Trần Thị Kim L 180.000 đồng, thua 80.000đ; của Trần Mộng V 120.000đ, thua 80.000đ; của Nguyễn Thị D 200.000đ, thắng 280.000đ. Tổng số tiền đánh bạc là 660.000 đồng.

Các vật chứng đã thu giữ gồm: 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 lá. Số tiền 660.000 đồng, trong đó của Nguyễn Thị N 40.000đ, Trần Thị Kim L 100.000đ, Trần Mộng V 40.000đ, Nguyễn Thị D 480.000đ.

Đối với Trần Thị Kim L, Trần Mộng V, Nguyễn Thị D không có tiền án, tiền sự về hành vi “Đánh bạc”, “Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc”, tham gia đánh bạc trái phép với số tiền đánh bạc dưới 5.000.000đ, nên không cấu thành tội “Đánh bạc” theo Điều 321 của Bộ luật Hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với L, V và D.

2. Cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 02/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Đánh bạc”. Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 36; Điều 47 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ 5% -10% thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ; xử phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ đến 15.000.000đ. Đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước tiền dùng vào việc đánh bạc là 660.000đ; tịch thu tiêu hủy các vật chứng không có giá trị sử dụng. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Căn cứ biên bản vụ việc quả tang ngày 08/4/2024 của Công an phường T; vật chứng thu giữ và lời khai của bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, có cơ sở xác định: Từ 14 giờ đến 15 giờ 25 phút ngày 08/4/2024 tại quán C thuộc Tổ D, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai, bị cáo Nguyễn Thị N cùng với Trần Thị Kim L, Trần Mộng V, Nguyễn Thị D cùng nhau đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài tiến lên, được thua bằng tiền với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 660.000đ. Bị cáo N vào ngày 12/3/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Ia Pa xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”, ngày 12/3/2021 chấp hành xong thời gian thử thách của án treo, ngày 09/4/2024 mới chấp hành hình phạt bổ sung, phạt tiền 10.000.000đ, nên chưa được xóa án tích, mà lại tiếp tục thực hiện hành vi “Đánh bạc”. Do vậy hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Trần Thị Kim L, Trần Mộng V, Nguyễn Thị D cùng tham gia đánh bạc với bị cáo N nhưng số tiền đánh bạc dưới 5.000.000đ và đều không có tiền án, tiền sự về hành vi quy định tại Điều 321, Điều 322 của Bộ luật Hình sự nên không cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 321 của Bộ luật Hình sự, do vậy chỉ xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về nhân thân: Bị cáo đang có một tiền án về hành vi “Đánh bạc” (đã sử dụng để định tội).

[6] Về hình phạt: Bị cáo nhận thức rõ hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng tại địa phương, do vậy cần xử phạt nghiêm. Tuy nhiên xét bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền dùng vào việc đánh bạc có giá trị không lớn, bị cáo được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Tình tiết “Chưa được xóa án tích” đã được sử dụng để định tội. Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Xét thấy không cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe. Mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Xét cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp: Tịch thu tiền dùng vào việc đánh bạc của bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thu giữ là 660.000đ.

[9] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 299; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36; khoản 2, khoản 3 Điều 35; Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Đánh bạc”;

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị N cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

3. Khấu trừ 05% thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ, để sung ngân sách Nhà nước.

4. Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

5. Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước tiền bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan sử dụng vào việc đánh bạc là 660.000đ (sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) (tiền đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A).

6. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm: 01 (một) bộ bài tú lơ khơ 52 lá bài.

(Vật chứng đang bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/7/2024 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A)

7. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 09/8/2024. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Kim L, Trần Mộng V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo